TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PĂH** **TỈNH GIA LAI** **------&------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------&---------**

Bản án số: 09/2018/DS-ST
Ngày: 15/11/2018
V/v:"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Tàu và Bà Hoàng Thị Hải.
- *Thư ký phiên tòa*: bà Huỳnh Nữ Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai tham gia phiên tòa:* ông Lương Minh Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2018/TLST - DS, ngày 23/4/2018 về việc *"Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2018/QĐST - DS, ngày 25 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1963

Bà Nguyễn Thị Minh L, sinh năm 1968

Ông Nguyễn Ngọc T ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Minh L tham gia tố tụng.

Địa chỉ: thôn I, thị trấn I, huyện C, tỉnh G (có mặt)

- *Bị đơn:* bà Trương Thị X, sinh năm 1962

Địa chỉ: thôn 2, xã I, huyện C, tỉnh G (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Ngọc T có đăng ký hộ kinh doanh bán buôn phân bón và thuốc bảo vệ thực vật các loại. Từ năm 2011 bà Trương Thị X có mua phân bón của vợ chồng bà, khi mua phân bón hai bên thỏa thuận, ông bà sẽ cho bà X nợ lại tiền phân bón, khi đến mùa thu hoạch cà phê thì bà X sẽ trả nợ. Năm 2012, bà X cũng mua nợ phân bón, cuối năm bà X cũng có trả được một phần, còn nợ lại số tiền là 13.600.000 đồng. Đến ngày 13/01/2013, bà có viết giấy nhận nợ và yêu cầu bà X ký vào, hai bên thỏa thuận số tiền này bà X sẽ trả vào ngày 13/6/2014 và không có tính lãi. Khi đến hẹn trả nợ, ông bà đã nhiều lần yêu cầu bà X trả nợ nhưng bà X không trả. Đến ngày 10/12/2015, bà X có trả được 2.000.000 đồng, bà đã viết vào cuối trang giấy. Số tiền

còn lại bà X không trả và tiếp tục hẹn hết lần này đến lần khác. Vì vậy, ông bà khởi kiện yêu cầu bà X phải trả lại cho ông bà số tiền còn nợ là 11.600.000 đồng, ông bà không yêu cầu tính lãi suất của số tiền nói trên.

Ngoài ra, bà L không có yêu cầu gì thêm.

- *Đối với bị đơn bà Trương Thị X:* Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc nêu ý kiến đối với phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà X không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản để trình bày quan điểm ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn bà Trương Thị X tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc thanh toán số tiền mua bán phân bón, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà không tranh chấp về hợp đồng mua bán nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền".

[2] Về nội dung:

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 13.600.000 đồng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã trả được 2.000.000 đồng, vì vậy nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn lại là 11.600.000 đồng. Xét, việc thay đổi này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu trả số tiền còn lại: theo nội dung giấy nhận nợ thể hiện "*tôi tên: Trương Thị X, năm sinh 1962. Hiện ở: Thôn 2, xã I, huyện C, tỉnh G. Ngày 13/01/2013 tôi Trương Thị X có nợ bà Nguyễn Thị Minh L , tôi có nợ số tiền là 13.600.000đ (mười ba triệu sáu trăm ngàn) hẹn đến ngày 13/6/2014 tôi sẽ trả"* bà X ký và ghi họ tên. Như vậy việc nhận nợ là có thật. Khi đến thời hạn trả tiền ông T bà L đã yêu cầu bà X trả nhiều lần, nhưng bà X mới trả được 2.000.000 đồng, bà L có ghi vào cuối tờ giấy nhận nợ nội dung *"10-12-2015 trả 2.000.000đ"*. Do đó nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn là bà X phải trả số tiền còn lại là 11.600.000 đồng là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tóa án theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà X không đến Toà án để làm việc, không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến cũng như các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Như vậy, căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà X đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với vụ án và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại giấy nhận nợ thể hiện bà X có nợ tiền bà L, tuy nhiên việc nợ tiền này là tiền mua bán phân bón, do đó Hội đồng xét xử xác định nguyên đơn trong vụ án là ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Minh L. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc bà Trương Thị X phải trả số tiền còn lại là 11.600.000 đồng cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Minh L.

Về lãi suất: nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xet giải quyết.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 428; 438 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;
- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Minh L. Buộc bà Trương Thị X phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Minh L số tiền là: 11.600.000đ (mười một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.Về án phí: Buộc bà Trương Thị X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 580.000đ (*năm trăm tám mươi nghìn đồng*). Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị Minh L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 340.000đ *(ba trăm bốn mươi*

nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002457, ngày 19/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND h. Chư Păh;
-THADS h. Chư Păh;
- Đương sự;
-Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Tàu Hoàng Thị Hải Lê Thị Hòa